UBND TỈNH AN GIANG **SỞ NỘI VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1517/SNV-CCHC&XDCQ V/v lấy ý kiến dự thảo Quy định về quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	*An Giang, ngày 10 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi:
- Thủ trưởng các Sở, Ban ngành đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành trong tỉnh.

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021, nhằm triển khai các quy định hướng dẫn của Trung ương liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, gắn với việc sắp xếp, bố trí số lượng, phân công nhiệm vụ, phân cấp trách nhiệm của chính quyền địa phương trong công tác quản lý cán bộ công chức ở cơ sở, Sở Nội vụ xây dựng dự thảo "***Quy định về quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang***".

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Văn bản, Sở Nội vụ trân trọng đề nghị Sở, Ban ngành đoàn thể và UBND các huyện, thị, thành trong tỉnh tham gia nghiên cứu đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi về Sở Nội vụ trước ***ngày 01 tháng 10 năm 2021*** để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định (toàn văn Dự thảo được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử Sở Nội vụ để lấy ý kiến rộng rãi đối tượng có liên quan, nội dung góp ý có thể gửi trực tiếp về địa chỉ Email: thiennhan.ag@gmail.com hoặc qua số điện thoại: 0767.364.513).

Việc quy định bố trí số lượng, phân công nhiệm vụ, phân cấp trách nhiệm trong quản lý cán bộ, công chức cấp xã có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng đến toàn thể bộ máy hệ thống chính trị tại cơ sở. Vì vậy Sở Nội vụ rất mong nhận được sự quan tâm, tham gia đóng góp ý kiến của Quý cơ quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c); - Lưu: VT, XDCQ (*50b).	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ NỘI VỤ TỈNH AN GIANG **Trương Long Hồ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2021/QĐ-UBND	*An Giang, ngày tháng 9 năm 2021*

DỰ THẢO LẦN 3

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày tháng năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy định về quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày … tháng … năm 2021 và thay thế Quyết định số Quyết định số 85/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (Vụ CQĐP);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã và thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: HC-TC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý cán bộ, công chức
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh về quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thuộc các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã.

2. Cán bộ, công chức cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng cán bộ công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp rõ ràng; đẩy mạnh việc phân cấp, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Việc sử dụng, đánh giá, quản lý cán bộ, công chức cấp xã phải dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực thi hành công vụ.

4. Trong công tác quản lý kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và số lượng cán bộ, công chức cấp xã để phân công bố trí phù hợp, tăng cường thực hiện việc kiêm nhiệm các chức danh, giảm số lượng cán bộ lãnh đạo, tăng số lượng công chức chuyên môn thừa hành.

Điều 4. Nội dung quản lý

1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các quy định, chính sách liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã.

2. Quy định về thẩm quyền quản lý, số lượng, sử dụng, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, tiếp nhận, phân công, xếp lương, nâng lương, thôi đảm nhiệm chức vụ, thôi việc, nghỉ hưu, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã và các chế độ, chính sách khác.

3. Thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan, tổ chức và đối với cán bộ, công chức cấp xã trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức cấp xã.

4. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo thống kê và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức cấp xã.

5. Các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ, công chức cấp xã.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ BỐ TRÍ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 5. Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang được bố trí theo quyết định phân loại đơn vị hành chính. Cụ thể như sau:

a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I được bố trí tối đa 23 cán bộ, công chức (trong đó cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 12 người);

b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II được bố trí tối đa 21 cán bộ, công chức (trong đó cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 10 người);

c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III được bố trí tối đa 19 cán bộ, công chức (trong đó cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 09 người).

2. Chức danh Trưởng Công an cấp xã nơi đã tổ chức lực lượng công an chính quy không tính trong chức danh cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này đúng theo điểm a, khoản 13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Điều 6. Bố trí cán bộ cấp xã

1. Đối với những đơn vị hành chính thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, bố trí 02 Phó Bí thư Đảng ủy theo cơ cấu kiêm nhiệm (01 Phó Bí thư Đảng ủy là Chủ tịch Hội đồng nhân

dân và 01 Phó Bí thư Đảng ủy là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã).

2. Đối với chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, bố trí theo cơ cấu Bí thư Đảng ủy là Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Bí thư Đảng ủy là Chủ tịch Hội đồng nhân dân (không bố trí Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu hoạt động chuyên trách).

3. Đối với chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: Cấp xã loại 1, loại 2 được bố trí tối đa 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cấp xã loại 3 được bố trí 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019. Riêng đối với trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì số lượng thực hiện theo khoản 2, Điều 2 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân

Điều 7. Bố trí số lượng công chức cấp xã

1. Tại đơn vị hành chính cấp xã loại I

a) Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: Bố trí 01 công chức.

b) Chức danh Văn phòng - Thống kê (bao gồm công chức chuyên trách công tác Nội vụ): Bố trí không quá 03 công chức.

c) Chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã): Bố trí không quá 02 công chức.

d) Chức danh Tư pháp - Hộ tịch: Bố trí không quá 02 công chức.

đ) Chức danh Văn hóa - Xã hội: Bố trí không quá 02 công chức.

e) Chức danh Tài chính - Kế toán: Bố trí không quá 02 công chức.

2. Tại đơn vị hành chính cấp xã loại II

a) Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: Bố trí 01 công chức.

b) Chức danh Văn phòng - Thống kê (bao gồm công chức chuyên trách công tác Nội vụ): Bố trí không quá 02 công chức.

c) Chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã): Bố trí không quá 02 công chức.

d) Chức danh Tư pháp - Hộ tịch: Bố trí không quá 02 công chức.

đ) Chức danh Văn hóa - Xã hội: Bố trí không quá 02 công chức.

e) Chức danh Tài chính - Kế toán: Bố trí 01 công chức.

3. Tại đơn vị hành chính cấp xã loại III

a) Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: Bố trí 01 công chức.

b) Chức danh Văn phòng - Thống kê (bao gồm công chức chuyên trách công tác Nội vụ): Bố trí không quá 02 công chức.

c) Chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã): Bố trí không quá 02 công chức.

đ) Chức danh Văn hóa - Xã hội: Bố trí không quá 02 công chức.

d) Chức danh Tư pháp - Hộ tịch: Bố trí 01 công chức.

e) Chức danh Tài chính - Kế toán: Bố trí 01 công chức.

4. Đối với đơn vị hành chính ở đô thị không có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp và không tổ chức Hội nông dân hoặc tại các đơn vị hành chính theo yêu cầu tiêu chuẩn và công tác tổ chức cán bộ không thể bố trí, để khuyết một trong các chức vụ cán bộ chuyên trách, thì căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của các chức danh công chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể quyết định việc bố trí tăng thêm số lượng chức danh công chức cấp xã, nhưng đảm bảo không vượt quá số lượng theo quy định.

Chương III
TIÊU CHUẨN VÀ VIỆC XỬ LÝ KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 8. Tiêu chuẩn đối với cán bộ cấp xã

1. Tiêu chuẩn chung của nhân sự khi được chỉ định hoặc giới thiệu bầu giữ chức vụ cán bộ lãnh đạo cấp xã phải đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ bằng hoặc cao hơn chức danh công chức chuyên môn cấp xã (riêng đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã thực hiện theo Điều lệ và quy định pháp luật về Cựu chiến binh Việt Nam). Cụ thể:

a) Đối với Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã khi được giới thiệu bầu giữ chức vụ lần đầu phải

đảm bảo là cán bộ, công chức cấp xã hoặc là cán bộ, công chức, viên chức nếu được điều động, chuyển công tác từ nơi khác đến.

b) Đối với Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã, Chủ tịch Hội Nông dân cấp xã khi được giới thiệu bầu giữ chức vụ lần đầu phải đảm bảo là cán bộ, công chức cấp xã hoặc có thời gian tham gia công tác giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách từ đủ 03 năm trở lên.

c) Trong trường hợp đặc biệt do yêu cầu công tác cán bộ nếu nhân sự chưa đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn trên, thì phải có văn bản thẩm định thống nhất của Giám đốc Sở Nội vụ trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện không thực hiện việc xếp lương, giải quyết chi trả chế độ chính sách đối với các chức danh cán bộ chưa đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Tiêu chuẩn đối với công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn về văn bằng chuyên môn cụ thể đối với các chức danh công chức cấp xã thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân dân tỉnh ban hành kèm theo Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã.

2. Riêng đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Về xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã

1. Cấp có thẩm quyền phê chuẩn, quyết định phê duyệt kết quả bầu cử thì có thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ. Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã thực hiện theo quy định pháp luật và điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội. Trường hợp cán bộ cấp xã là đảng viên thì cấp ủy quản lý đảng viên xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng theo quy định về Điều lệ Đảng và các văn bản của các cơ quan tổ chức có thẩm quyền.

2. Cán bộ cấp xã đã có kết luận về hành vi vi phạm pháp luật của cấp ủy tổ chức Đảng theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, ngoài hình thức kỷ luật về Đảng, còn bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật hành chính, như sau:

a) Khiển trách.

b) Cảnh cáo.

c) Cách chức.

d) Bãi nhiệm.

3. Sau khi có kết luận xử lý kỷ luật về Đảng, cơ quan quản lý nhà nước đối với cán bộ, công chức cấp xã (UBND cấp huyện) ban hành quyết định xử lý kỷ luật về hành chính đối với cán bộ cấp xã (không phân biệt chức vụ được phân công) đảm bảo nguyên tắc hình thức kỷ luật Đảng không thay thế hình thức kỷ luật hành chính và hình thức kỷ luật hành chính phải đảm bảo ở mức độ tương xứng với kỷ luật Đảng.

4. Trường hợp cán bộ cấp xã chưa có kết luận hoặc quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền thì trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật được thực hiện giống như trình tự thủ tục xử lý kỷ luật của công chức được quy định tại Mục 3 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

5. Đối với cán bộ cấp xã đã chuyển công tác mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định thì cơ quan quản lý nhà nước đối với cán bộ, công chức cấp xã trước đây (UBND cấp huyện) tiến hành xử lý kỷ luật về hành chính đối với cán bộ cấp xã và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị hiện đang đang quản lý cán bộ này.

Chương IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức cấp xã theo quy định; hướng dẫn việc kiêm nhiệm một số chức danh, chức vụ để bảo đảm các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có cán bộ, công chức đảm nhiệm.

2. Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tuyển dụng, lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã.

4. Hàng năm, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

5. Ban hành quy định về quản lý đối với cán bộ, công chức cấp xã.

6. Chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều 11 của Quy định này.

2. Tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh.

3. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và quản lý hồ sơ; việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đánh giá, quản lý; việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ công chức cấp xã.

2. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ, quy định về quản lý cán bộ, công chức cấp xã, Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

3. Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo hướng dẫn và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

5. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định tuyển dụng, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã.

a) Quyết định tiếp nhận và phân công công chức cấp xã từ nơi khác chuyển đến khi nhận được quyết định điều động công chức cấp xã của Chủ tịch Ủy ban nhân dân nơi chuyển đi (giữa hai đơn vị hành chính trong cùng một tỉnh hoặc từ tỉnh khác chuyển đến).

b) Quyết định tiếp nhận các trường hợp đặc biệt vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

c) Quyết định tiếp nhận công chức khối đảng, đoàn thể, viên chức sự nghiệp để thực hiện quy trình giới thiệu bầu giữ các chức vụ cán bộ cấp xã, hoặc phân công giữ các chức danh công chức cấp xã (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý).

3. Quyết định bổ nhiệm công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện sau khi đã thực hiện quy trình tuyển dụng công chức.

4. Quyết định phân công, điều động đối với công chức cấp xã trong các trường hợp:

a) Quyết định phân công công chức cấp xã đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ của chức danh khi có sự thay đổi vị trí công tác trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

b) Quyết định điều động khi có sự thay đổi vị trí công tác từ xã, phường, thị trấn này sang làm việc tại xã, phường, thị trấn khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện.

c) Đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định điều động, bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện.

d) Quyết định điều động công chức cấp xã khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức theo phân cấp tại nơi chuyển đến (giữa hai đơn vị hành chính trong cùng một tỉnh và kể cả trường hợp chuyển ngoài tỉnh).

5. Quyết định về chế độ chính sách cán bộ, công chức cấp xã

a) Quyết định xếp lương, chuyển xếp lương cho cán bộ, công chức cấp xã trên cơ sở phù hợp với chức vụ, chức danh, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước niên hạn và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho cán bộ, công chức cấp xã.

c) Quyết định cho công chức cấp xã nghỉ hưu hoặc thôi việc và thông báo cho cán bộ cấp xã nghỉ hưu hoặc thôi việc việc (sau khi có văn bản cho thôi đảm nhiệm chức vụ của cơ quan có thẩm quyền) để hưởng chế độ, chính sách.

6. Các công tác khác có liên quan đến việc quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo quy định pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức cấp xã; nhận xét, đánh giá hàng năm đối với cán bộ, công chức cấp xã theo hướng dẫn.

2. Khảo sát nhu cầu, đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm theo từng chức danh, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thực hiện chế độ, chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch, tạo nguồn đối với cán bộ, công chức cấp xã.

4. Đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn.

7. Lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

8. Các công tác khác có liên quan đến việc sử dụng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì cùng với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm triển khai, đôn đốc thực hiện các Quy định này, đồng thời thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về các nội dung quản lý cán bộ, công chức cấp xã đúng theo quy định.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã không quy định trong quyết định này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành; trong trường hợp có hướng dẫn thay đổi điều chỉnh các nội dung liên quan đến công tác quản lý cán bộ, công chức cấp xã thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan có liên quan phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.